

**UBND TỈNH AN GIANG  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Số: 480/STNMT-MT  
V/v công bố số liệu quan trắc môi trường  
tỉnh An Giang năm 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3267/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng môi trường tỉnh An Giang và Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc Trạm quan trắc chất lượng nước mặt tự động, liên tục (tại thị trấn Long Bình) năm 2021.

Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo “*Giao Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm báo cáo và công bố: kết quả quan trắc chất lượng môi trường tỉnh An Giang năm 2021 và kết quả quan trắc Trạm quan trắc chất lượng nước mặt tự động, liên tục (tại thị trấn Long Bình) năm 2021 theo quy định*”. Đồng thời, theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT thì “*Định kỳ hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật, công bố kết quả quan trắc môi trường của địa phương trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường*”.

Sở Tài nguyên và Môi trường xin gửi số liệu kết quả quan trắc môi trường tỉnh An Giang năm 2021 (*theo file đính kèm*) để Sở Thông tin và Truyền thông công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là nội dung Sở Tài nguyên và Môi trường gửi Sở Thông tin và Truyền thông./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Ban Giám đốc;
- CCBVMT;
- Trung tâm CNTTNTMT (để công bố);
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Tô Hoàng Môn**

## CÔNG BỐ

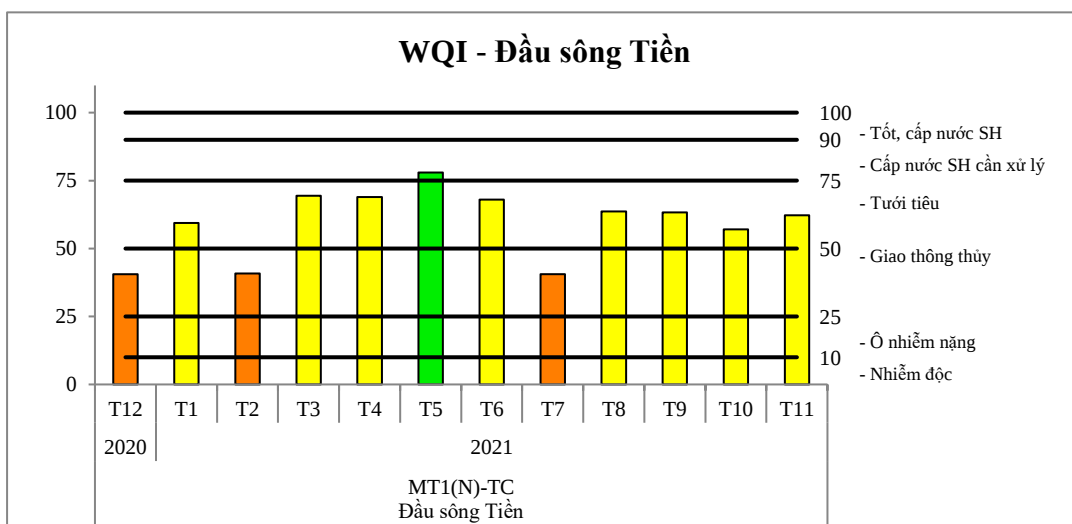
### KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG NĂM 2021

#### A. CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG NƯỚC

##### I. Chất lượng môi trường nước nền

##### 1.1. Chất lượng nước sông Tiền

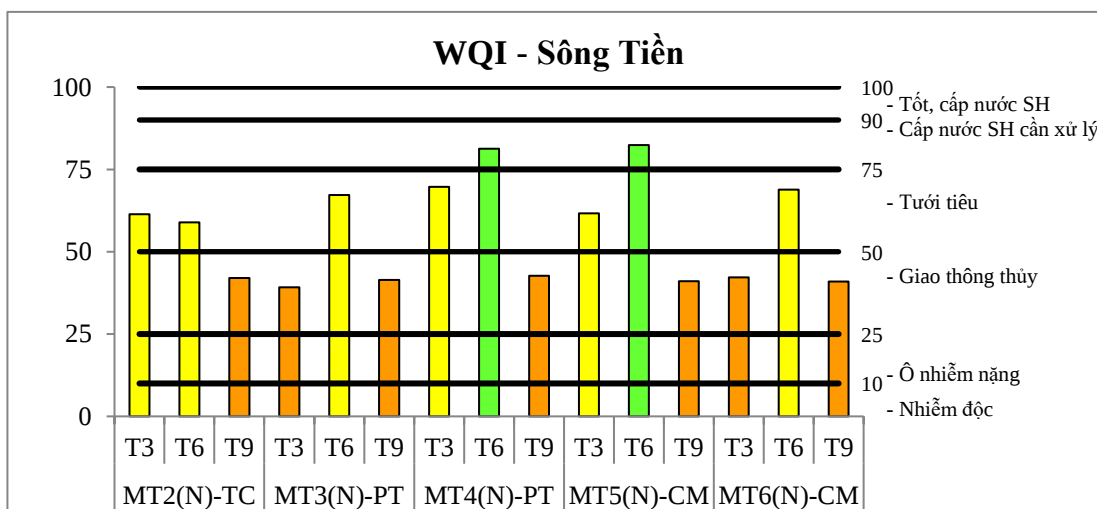
##### 1.1.1. Quan trắc liên tục



**Biểu đồ 1: Diễn biến WQI đầu sông Tiền 2021**

Chất lượng nước tại đầu sông Tiền đoạn chảy qua địa phận tỉnh An Giang theo chỉ số WQI dao động từ mức kém - sử dụng cho giao thông thủy đến mức tốt - sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, trong đó đa phần ở mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu. Cụ thể, chất lượng nước ở mức kém - sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 12/2020, tháng 02 và tháng 7; chất lượng nước ở mức tốt - sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp vào tháng 5, các thời điểm còn lại, chất lượng nước ở mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu.

##### 1.1.2. Quan trắc định kỳ



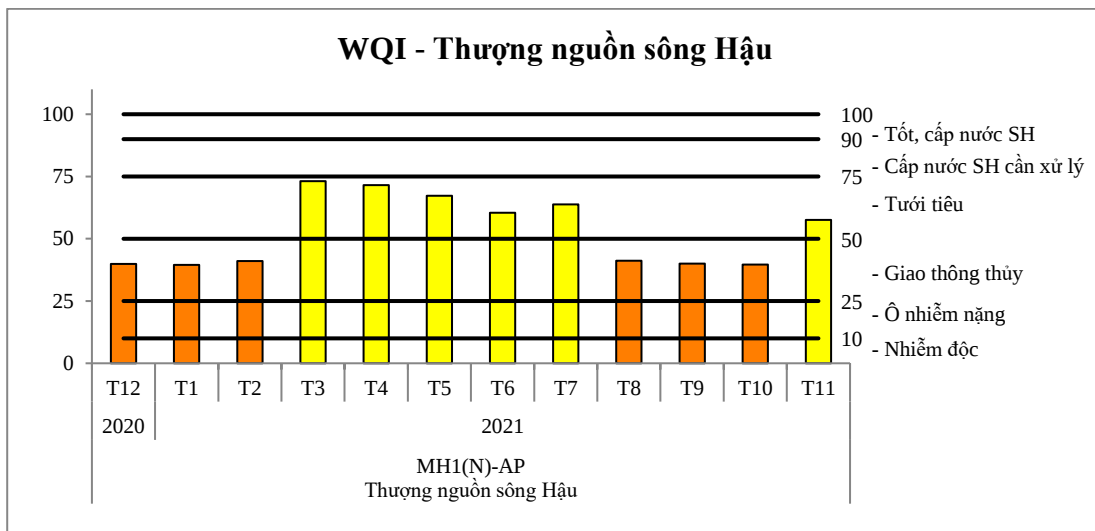
**Biểu đồ 2: Diễn biến WQI sông Tiền 2021**

Chất lượng nước sông Tiền theo chỉ số WQI dao động từ mức kém - sử dụng cho giao thông thủy đến mức tốt - sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, trong đó đa phần ở mức kém - sử dụng cho giao thông thủy. Cụ thể, tại vị trí đầu sông Cái Vừng và sông Tiền-MT2(N)-TC giảm từ mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 3 và tháng 6 xuống mức kém - sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 9; tại vị trí cuối sông Cái Vừng và sông Tiền-MT3(N)-PT và cuối cù lao Giêng-MT6(N)-CM cải thiện từ mức kém - sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 3 lên mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 6 và giảm xuống mức kém - sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 9; các vị trí còn lại có chất lượng nước biến động, cải thiện đạt mức tốt - sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp vào tháng 6 và giảm xuống mức kém - sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 9.

## 1.2. Chất lượng nước sông Hậu

### 1.2.1. Quan trắc liên tục

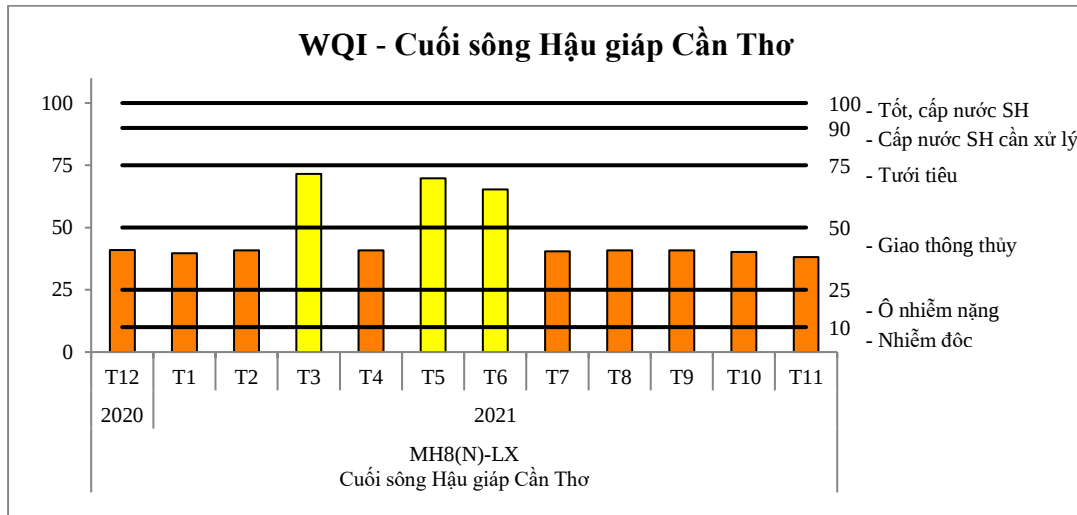
#### 1.2.1.1. Vị trí đầu sông Hậu huyện An Phú - MH1(N)-AP



**Biểu đồ 3: Diễn biến WQI đầu sông Hậu 2021**

Chất lượng nước tại đầu sông Hậu đoạn chảy qua địa phận tỉnh An Giang theo chỉ số WQI dao động từ mức kém - sử dụng cho giao thông thủy đến mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu. Cụ thể, chất lượng nước ở mức kém - sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 12/2020, từ tháng 01 đến tháng 02 và từ tháng 8 đến tháng 10, các thời điểm còn lại, chất lượng nước ở mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu.

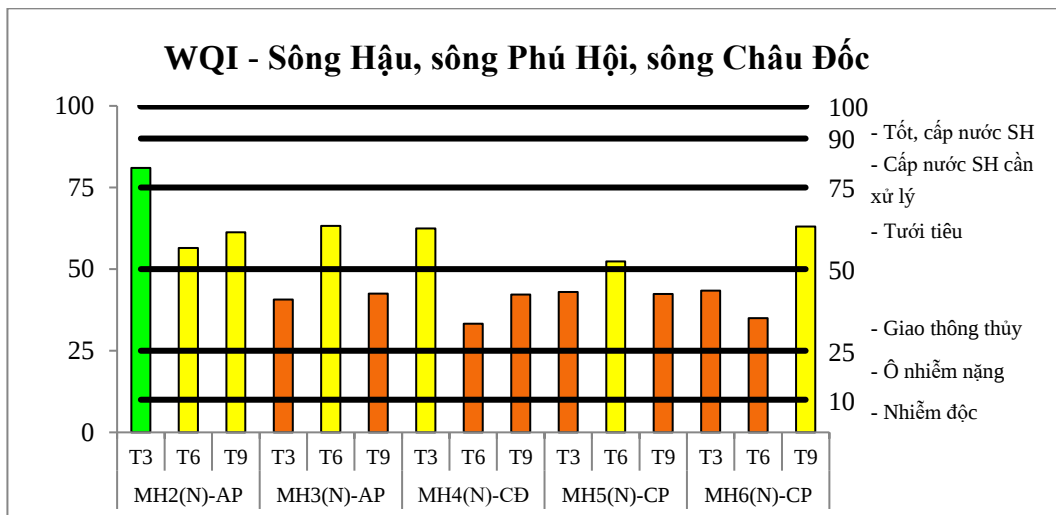
#### 1.2.1.2. Vị trí cuối sông Hậu giáp Cần Thơ - MH8(N)-LX



**Biểu đồ 4: Diễn biến WQI cuối sông Hậu giáp Cần Thơ 2021**

Chất lượng nước tại cuối sông Hậu giáp Cần Thơ đoạn chảy qua địa phận tỉnh An Giang theo chỉ số WQI dao động từ mức kém - sử dụng cho giao thông thủy đến mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu. Trong đó, chất lượng nước ở mức kém - sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 12/2020, tháng 01 đến tháng 02, tháng 4 và từ tháng 7 đến tháng 11; các thời điểm còn lại, chất lượng nước ở mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu.

### 1.2.2. Quan trắc định kỳ

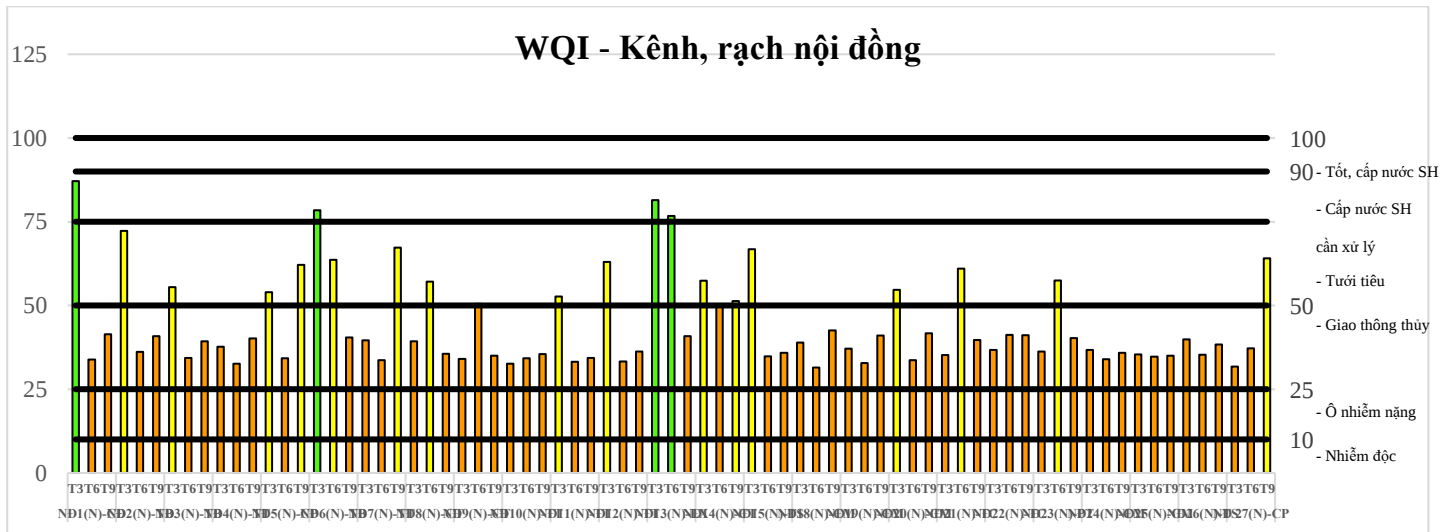


**Biểu đồ 5: Diễn biến WQI s.Hậu, s.Phú Hội, s.Châu Đốc 2021**

Chất lượng nước sông Hậu, sông Phú Hội, sông Châu Đốc theo chỉ số WQI dao động từ mức kém - sử dụng cho giao thông thủy đến mức tốt - sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, trong đó đa phần ở mức kém - sử dụng cho giao thông thủy. Cụ thể, tại vị trí thượng nguồn sông Phú Hội-MH2(N)-AP giảm từ mức tốt - sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp vào tháng 3 xuống mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 6 và tháng 9; tại vị trí ngã 3 sông Châu Đốc-MH4(N)-CĐ giảm từ mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 3 xuống mức kém - sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 6 và tháng 9; tại vị trí ngã 3 sông Vàm Nao-MH6(N)-CP cải thiện từ mức kém - sử dụng cho giao

thông thủy vào tháng 3 và tháng 6 lên mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 9; các vị trí còn lại có chất lượng nước biến động, cải thiện từ mức kém - sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 3 lên mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 6 và giảm xuống mức kém - sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 9.

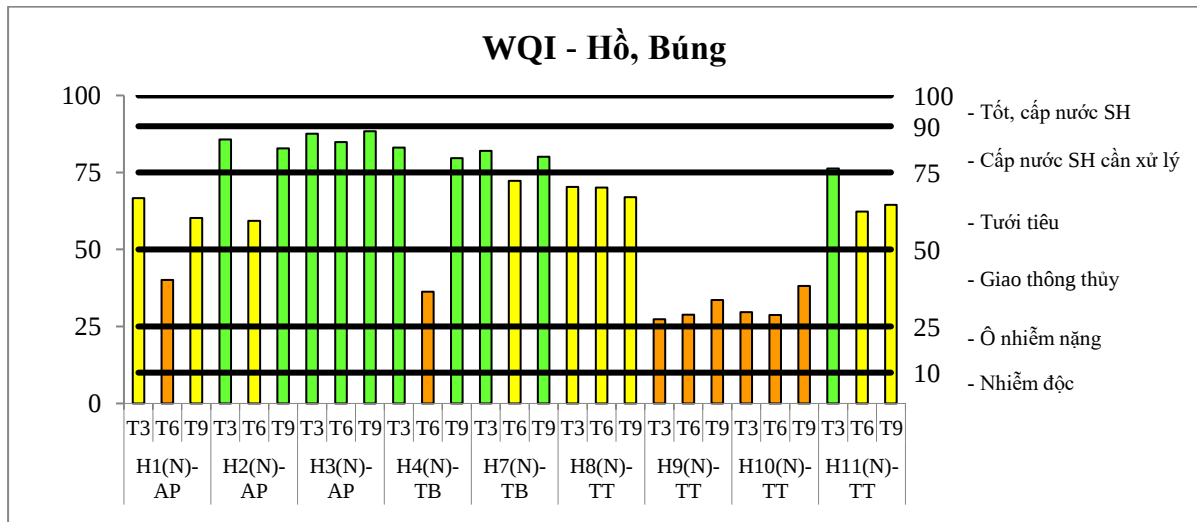
### 1.3. Chất lượng nước kênh, rạch nội đồng



**Biểu đồ 6: Diễn biến WQI kênh, rạch nội đồng 2021**

Chất lượng nước tại các tuyến kênh, rạch nội đồng theo chỉ số WQI dao động từ mức kém - sử dụng cho giao thông thủy đến mức tốt - sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, trong đó đa phần ở mức kém - sử dụng cho mục đích tưới tiêu. Cụ thể, chất lượng nước tại 4/25 vị trí cải thiện từ mức kém - sử dụng cho giao thông thủy lên mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 9 (đầu kênh Xáng Vịnh Tre tiếp giáp với sông Hậu-ND5(N)-CP, cuối kênh Xáng Vịnh Tre tiếp giáp kênh Huê Đức-ND7(N)-TT, giữa kênh Rạch Giá - Long Xuyên, tiếp giáp kênh Bốn Tổng, kênh Chắc Cà Dao, kênh Ông Cò-ND14(N)-CT và kênh 10-ND27(N)-CP), tại 9/25 vị trí đồng ở mức kém - sử dụng cho giao thông thủy ở cả 3 đợt quan trắc (cuối kênh Vĩnh Tế tiếp giáp Kiên Giang-ND4(N)-TT, giữa kênh Mặc Cần Dung tiếp giáp kênh Xáng Cây Dương-ND9(N)-CT, đầu kênh Tám Ngàn-ND10(N)-TT, đầu rạch Ông Chưởng-ND18(N)-CM, giữa rạch Ông Chưởng, tiếp giáp với kênh Chà Và-ND19(N)-CM, kênh Xáng-ND22(N)-TC, kênh Xáng Cà Mau giáp kênh Đồng Xút-ND24(N)-CM, kênh Xáng A-B-ND25(N)-CM và ngã ba chợ Ba Bàn-ND26(N)-TS), các vị trí còn lại có chất lượng nước giảm từ mức tốt - sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp hoặc từ mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu xuống mức kém - sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 9.

#### 1.4. Chất lượng nước hồ, búng



**Biểu đồ 7: Diễn biến WQI hồ, búng 2021**

Chất lượng nước tại khu vực hồ, búng theo chỉ số WQI dao động từ mức kém - sử dụng cho giao thông thủy đến mức tốt - sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, trong đó đa phần ở mức tốt - sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, cụ thể như sau:

- **Khu vực Búng Bình Thiên - huyện An Phú:** Tại vị trí cuối Búng Bình Thiên-H3(N)-AP đồng ở mức tốt - sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp; Tại vị trí đầu Búng Bình Thiên-H1(N)-AP giảm từ mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 3 xuống mức kém - sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 6 và cải thiện lên mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 9; Tại vị trí giữa Búng Bình Thiên-H2(N)-AP giảm từ mức tốt - sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp vào tháng 3 xuống mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 6 và cải thiện lên mức tốt - sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp vào tháng 9.

- **Khu vực các hồ:** Tại vị trí hồ Soài So-H8(N)-TT đồng ở mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu; tại vị trí hồ Soài Chêk-H9(N)-TT và hồ Ô Thum-H10(N)-TT đồng ở mức kém - sử dụng cho giao thông thủy; Tại vị trí hồ Ô Tà Sóc-H11(N)-TT giảm từ mức tốt - sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp vào tháng 3 xuống mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 6 và tháng 9; các vị trí còn lại có chất lượng nước giảm từ mức tốt - sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp vào tháng 3 xuống mức kém - sử dụng cho giao thông thủy và mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 6, sau đó cải thiện lên mức tốt - sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp vào tháng 9.

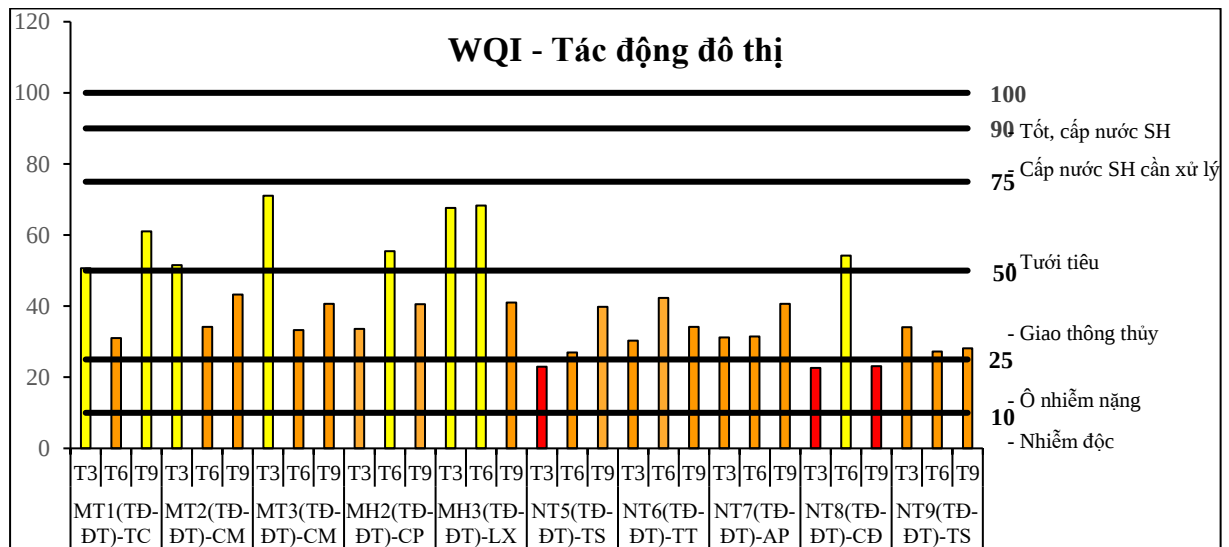
#### 1.5. Chất lượng môi trường nước giếng

Chất lượng nước giếng đang bị ô nhiễm về TDS, độ cứng tổng số (tính theo  $\text{CaCO}_3$ ), Amoni ( $\text{NH}_4^+$  tính theo N), Fe, Mn và Coliform. Do đó, trong quá trình

sử dụng khuyến cáo người dân áp dụng biện pháp xử lý phù hợp với nhu cầu sử dụng nhằm đảm bảo sức khỏe.

## II. Chất lượng môi trường nước bị tác động

### 2.1. Chất lượng nước bị tác động từ khu đô thị



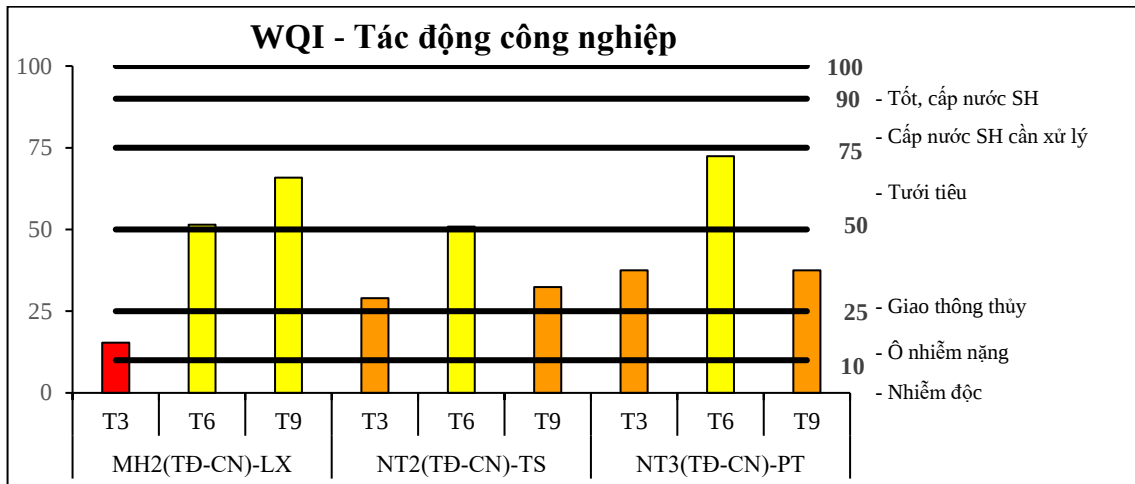
**Biểu đồ 8: Diễn biến WQI khu đô thị 2021**

Chất lượng nước bị tác động từ các khu đô thị theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu, trong đó đa phần ở mức kém - sử dụng cho giao thông thủy, cụ thể như sau:

- Tại 2/3 khu đô thị tác động lên sông Tiền (thị trấn Chợ Mới-MT2(TĐ-ĐT)-CM và thị trấn Mỹ Luông-MT3(TĐ-ĐT)-CM) giảm từ mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 3 xuống mức kém - sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 6 và tháng 9; 1/3 khu đô thị còn lại (thị xã Tân Châu-MT1(TĐ-ĐT)-TC) có chất lượng nước ở mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 3, tháng 9 và ở mức kém - sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 6. Tại 2 khu đô thị tác động lên sông Hậu, chất lượng nước tại thành phố Long Xuyên-MH3(TĐ-ĐT)-LX tốt hơn so với thị trấn Cái Dầu-MH2(TĐ-ĐT)-CP, trong đó: khu vực thành phố Long Xuyên giảm từ mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 3, tháng 6 xuống mức kém - sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 9; thị trấn Cái Dầu ở mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 6 và ở mức kém - sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 3, tháng 9.

- Tại 05 khu đô thị tác động lên kênh rạch nội đồng, chất lượng nước thấp hơn so với các sông lớn, đa phần ở mức kém - sử dụng cho giao thông thủy, đặc biệt tại vị trí khu đô thị Núi Sập, huyện Thoại Sơn tác động lên kênh Công Dong-NT5(TĐ-ĐT)-TS vào tháng 3 và trạm xử lý nước thải thành phố Châu Đốc tác động lên kênh Huỳnh Văn Thu-NT8(TĐ-ĐT)-CĐ vào tháng 3, tháng 9 có chất lượng nước ở mức ô nhiễm nặng - cần các biện pháp xử lý trong tương lai.

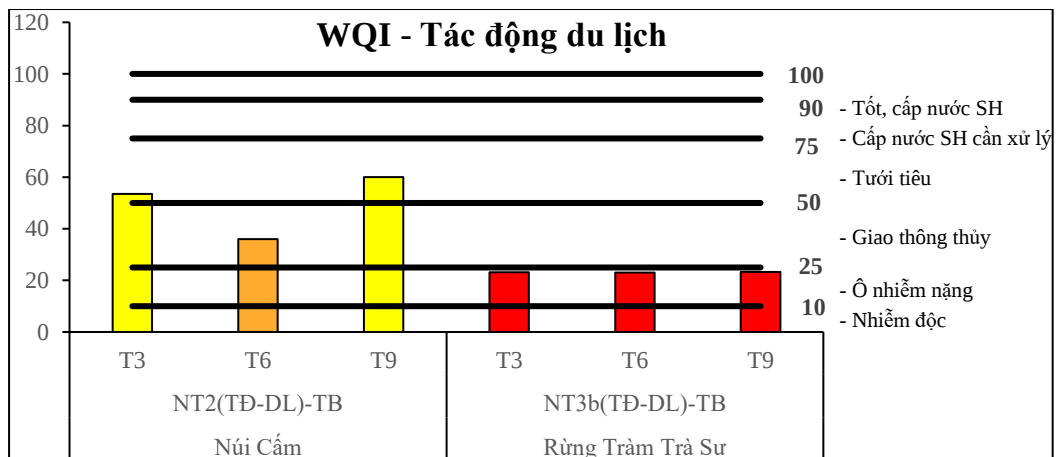
## 2.2. Chất lượng nước bị tác động từ cụm công nghiệp



**Biểu đồ 9: Diễn biến WQI cụm công nghiệp 2021**

Chất lượng nước bị tác động từ các khu - cụm công nghiệp theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu. Cụ thể, tại vị trí cụm công nghiệp Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên-MH2(TĐ-CN)-LX cải thiện từ mức ô nhiễm nặng - cần các biện pháp xử lý trong tương lai vào tháng 3 lên mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 6 và tháng 9; tại vị trí cụm công nghiệp Phú Hòa, huyện Thoại Sơn-NT2(TĐ-CN)-TS và cụm công nghiệp Tân Trung, huyện Phú Tân-NT3(TĐ-CN)-PT đồng ở mức kém - sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 3, cải thiện lên mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 6 và giảm xuống mức kém - sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 9.

## 2.3. Chất lượng nước bị tác động từ khu du lịch



**Biểu đồ 10: Diễn biến WQI khu du lịch 2021**

Chất lượng nước bị tác động từ các khu du lịch theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu, trong đó đa phần ở mức ô nhiễm nặng. Tại khu du lịch Lâm Viên núi Cấm-NT2(TĐ-DL)-TB giảm từ mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 3 xuống mức kém - sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 6 và cải thiện lên mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 9. Tại khu du lịch sinh thái rừng

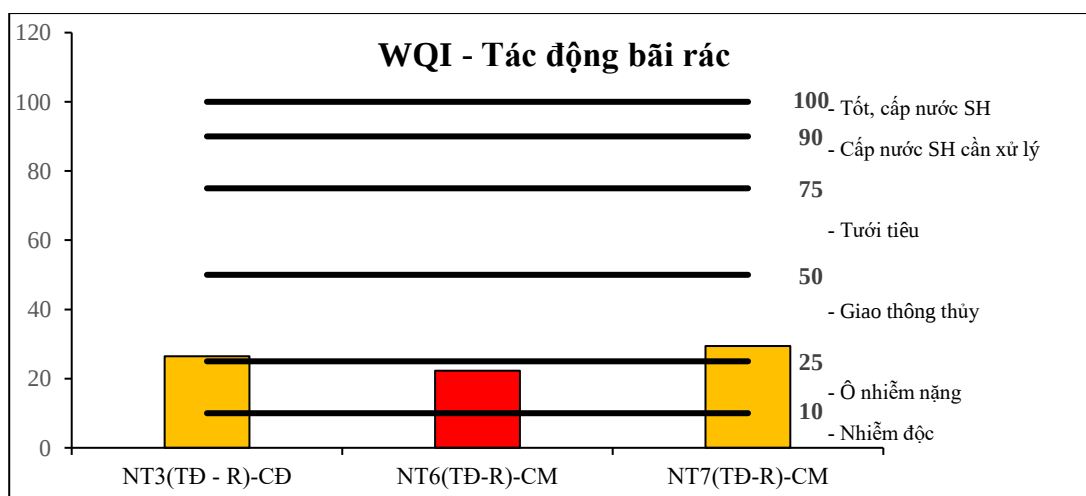
Chất lượng nước bị tác động từ các khu nuôi trồng thủy sản theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức tốt - sử dụng cho mục đích cấp nước sinh

hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, trong đó đa phần ở mức kém - sử dụng cho giao thông thủy.

- **Loại hình nuôi bèo:** Tại làng bèo Long Hòa-TS1(TĐ)-PT đồng ở mức kém - sử dụng cho giao thông thủy; tại làng bèo Đa Phước-TS4(TS)-AP giảm từ mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 3 xuống mức kém - sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 6 và cải thiện lên mức tốt - sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp vào tháng 11; tại làng bèo Vĩnh Nguơn-TS3(TĐ)-CĐ giảm từ mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 3, tháng 11 xuống mức kém - sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 6, ngược lại tại khu nuôi bèo Mỹ An-TS19(TĐ)-CM cải thiện từ mức kém - sử dụng cho giao thông thủy vào tháng 3, tháng 11 lên mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 6.

- **Loại hình nuôi ao, hầm:** Tại khu nuôi ao, hầm Vĩnh Thạnh Trung-TS5(TĐ)-CP cải thiện từ mức ô nhiễm nặng - cần áp dụng biện pháp xử lý phù hợp trong tương lai vào tháng 3, tháng 6 lên mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu vào tháng 11; 5/14 vị trí có chất lượng nước ở mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu ở cả 03 đợt quan trắc (khu nuôi ao, hầm: Kiến An-TS2(TĐ)-CM, Mỹ Thới-TS11(TĐ)-LX, Phú Thuận-TS14(TĐ)-TS, Vĩnh Khánh-TS15(TĐ)-TS và vùng nuôi Lộc Kim Chi-TS21(TĐ)-CP); 4/14 vị trí giảm từ mức tốt - sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp vào các đợt đầu năm (khu nuôi ao, hầm: Bình Thạnh-TS6(TĐ)-CT, Hòa Lạc-TS25(TĐ)-PT vào tháng 3; Mỹ Hòa Hưng-TS8(TĐ)-LX và Phú Bình-TS23(TĐ)-PT vào tháng 6) xuống mức trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu và mức kém - sử dụng cho giao thông thủy ở các đợt còn lại; các vị trí còn lại có chất lượng nước biến động ở 02 mức kém - sử dụng cho giao thông thủy và trung bình - sử dụng cho mục đích tưới tiêu trong năm 2021.

## 2.6. Chất lượng nước tác động từ bãi rác



**Biểu đồ 13: Diễn biến WQI khu vực bãi rác 2021**

Chất lượng nước bị tác động từ các bãi rác theo chỉ số WQI dao động từ mức ô nhiễm nặng đến mức kém - sử dụng cho giao thông thủy. Cụ thể, tại vị trí bãi rác kênh 10, xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc-NT3(TĐ-R)-CĐ và bãi rác Kiến An-NT7(TĐ-R)-CM đồng ở mức kém - sử dụng cho giao thông thủy, riêng tại vị trí

bãi rác thị trấn Mỹ Lương-NT6(TĐ-R)-CM đang trong tình trạng ô nhiễm nặng - cần các biện pháp xử lý phù hợp trong tương lai.

## **B. CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ**

### **I. Chất lượng môi trường không khí nền**

Chất lượng môi trường không khí nền đảm bảo tốt theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh nhưng chưa đảm bảo tốt theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Trong đó, thông số tiếng ồn tại khu vực đô thị thành phố Long Xuyên-K1(N-ĐT)-LX có giá trị không đạt quy chuẩn cho phép nhưng nhìn chung chất lượng không khí nền tốt, không ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân tại địa phương.

### **II. Chất lượng môi trường không khí bị tác động**

#### **2.1. Chất lượng môi trường không khí bị tác động từ khu đô thị**

Chất lượng môi trường không khí tác động từ khu đô thị đảm bảo tốt theo QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh nhưng chưa đảm bảo tốt theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Trong đó, thông số tiếng ồn có giá trị không đạt quy chuẩn cho phép cao nhất tại vị trí vòng xoay đèn 4 ngọn-K1(TĐ-ĐT)-LX, vòng xoay trường THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu và siêu thị điện máy Nguyễn Kim-K3(TĐ-ĐT)-LX, nhà máy xi măng ACIFA-K5(TĐ-ĐT)-LX và thông số tổng bụi lơ lửng có giá trị không đạt quy chuẩn cho phép cao nhất tại khu vực chợ Châu Đốc-K2(TĐ-ĐT)-CĐ.

#### **2.2. Chất lượng môi trường không khí bị tác động từ giao thông**

Chất lượng môi trường không khí bị tác động từ giao thông đảm bảo tốt theo QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh nhưng chưa đảm bảo tốt theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Trong đó, thông số tiếng ồn có giá trị không đạt quy chuẩn cho phép cao nhất tại phà An Hòa-K1(TĐ-GT)-LX và thông số tổng bụi lơ lửng có giá trị không đạt quy chuẩn cho phép cao nhất tại khu vực đường Ung Văn Khiêm nối đường Lý Thái Tổ-K5(TĐ-GT)-LX.

#### **2.3. Chất lượng môi trường không khí bị tác động từ du lịch**

Chất lượng môi trường không khí bị tác động từ khu du lịch chưa đảm bảo tốt theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Trong đó, thông số tiếng ồn có giá trị không đạt quy chuẩn cho phép cao nhất tại khu du lịch núi Sam-K1(TĐ-DL)-CĐ và thông số tổng bụi lơ lửng có giá trị không đạt quy chuẩn cho phép cao nhất tại khu du lịch Tân Mỹ-K5(TĐ-DL)-CM.

#### **2.4. Chất lượng môi trường không khí bị tác động từ khu - cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, lò gạch, khai thác đá**

Chất lượng môi trường không khí tác động từ khu - cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, lò gạch, khai thác đá đảm bảo tốt theo QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh nhưng chưa đảm bảo tốt theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Trong đó, thông số tiếng ồn có giá trị không đạt quy chuẩn cho phép cao nhất tại khu vực khai thác đá Cô Tô-K9(TĐ-CN)-TT và thông số tổng bụi lơ lửng có giá trị không đạt quy chuẩn cho phép cao nhất tại khu khai thác đá Antraco-K8(TĐ-CN)-TT.

#### **2.5. Chất lượng môi trường không khí bị tác động từ bãi rác**

Chất lượng không khí tác động từ khu bãi rác đảm bảo tốt theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh. Chất lượng không khí tác động từ các bãi rác tốt, không ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân tại địa phương.

## VỊ TRÍ CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC NĂM 2021

### A-MẠNG LƯỚI ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NỀN NƯỚC MẶT

| TT         | Kí hiệu                                      | Địa danh                                     | Đặc điểm                                                   |
|------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Sông Tiền</b>                             |                                              |                                                            |
| 1          | MT1(N)-TC                                    | Xã Vĩnh Xương,<br>TX. Tân Châu               | Đầu sông Tiền                                              |
| 2          | MT2(N)-TC                                    | Phường Long Châu, TX.<br>Tân Châu            | Đầu sông Cái Vừng và sông Tiền                             |
| 3          | MT3(N)-PT                                    | TT. Chợ Vàm, huyện<br>Phú Tân                | Cuối sông Cái Vừng và sông Tiền                            |
| 4          | MT4(N)-PT                                    | Xã Tân Trung, huyện<br>Phú Tân               | Ngã ba sông Vàm Nao và sông Tiền                           |
| 5          | MT5(N)-CM                                    | Xã Long Điền A, huyện<br>Chợ Mới             | Ngã ba sông Tiền                                           |
| 6          | MT6(N)-CM                                    | Xã Bình Phước Xuân,<br>huyện Chợ Mới         | Cuối cù lao Giêng                                          |
| <b>II</b>  | <b>Sông Hậu, sông Phú Hội, sông Châu Đốc</b> |                                              |                                                            |
| 1          | MH1(N)-AP                                    | Ấp Tân Thạnh, TT. Long<br>Bình, huyện An Phú | Thượng nguồn sông Hậu                                      |
| 2          | MH2(N)-AP                                    | Xã Nhơn Hội, huyện An<br>Phú                 | Thượng nguồn sông Phú Hội                                  |
| 3          | MH3(N)-AP                                    | Xã Vĩnh Hội Đông,<br>huyện An Phú            | Nơi tiếp giáp sông Châu Đốc với<br>nhánh sông từ Campuchia |
| 4          | MH4(N)-CD                                    | Phường Châu Phú B, TP.<br>Châu Đốc           | Ngã ba sông Châu Đốc                                       |
| 5          | MH5(N)-CP                                    | Xã Mỹ Phú, huyện Châu<br>Phú                 | Đoạn giữa từ ngã sông Châu Đốc với<br>ngã ba Vàm Nao       |
| 6          | MH6(N)-CP                                    | Xã Bình Thủy, huyện<br>Châu Phú              | Ngã ba sông Vàm Nao                                        |
| 7          | MH8(N)-LX                                    | Phường Mỹ Thạnh, TP.<br>Long Xuyên           | Cuối sông Hậu giáp với Cần Thơ                             |
| <b>III</b> | <b>Kênh, rạch nội đồng</b>                   |                                              |                                                            |
| 1          | NĐ1(N)-CD                                    | Phường Châu Phú A, TP.<br>Châu Đốc           | Đầu kênh Vĩnh Tế tiếp giáp với kênh<br>Châu Đốc            |
| 2          | NĐ2(N)-TB                                    | Xã Nhơn Hưng, huyện<br>Tịnh Biên             | Đập Trà Sư tiếp giáp kênh Vĩnh Tế                          |
| 3          | NĐ3(N)-TB                                    | TT. Tịnh Biên, huyện<br>Tịnh Biên            | Cầu sắt Hữu Nghị                                           |

|    |            |                                     |                                                                                              |
|----|------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4  | NĐ4(N)-TT  | Xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn          | Cuối kênh Vĩnh Tế tiếp giáp Kiên Giang                                                       |
| 5  | NĐ5(N)-CP  | Xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú | Đầu kênh Xáng Vĩnh Tre tiếp giáp với sông Hậu                                                |
| 6  | NĐ6(N)-TB  | Xã Tân Lợi, huyện Tịnh Biên         | Nơi tiếp giáp giữa kênh Tha La với kênh Xáng Vĩnh Tre                                        |
| 7  | NĐ7(N)-TT  | Xã Cô Tô, huyện Tri Tôn             | Cuối kênh Xáng Vĩnh Tre tiếp giáp kênh Huệ Đức                                               |
| 8  | NĐ8(N)-CT  | Xã Càn Đăng, huyện Châu Thành       | Đầu kênh Mặc Càn Dung tiếp giáp kênh Bốn Tổng                                                |
| 9  | NĐ9(N)-CT  | Xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành      | Điểm giữa kênh Mặc Càn Dung tiếp giáp kênh Xáng Cây Dương                                    |
| 10 | NĐ10(N)-TT | TT. Tri Tôn, huyện Tri Tôn          | Cầu Cây Me, đầu kênh Tám Ngàn                                                                |
| 11 | NĐ11(N)-TT | Xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn      | Điểm giữa kênh Tám Ngàn, tiếp giáp với kênh Mới (T5)                                         |
| 12 | NĐ12(N)-TT | Xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn      | Điểm cuối kênh Tám Ngàn, tiếp giáp với Kiên Giang                                            |
| 13 | NĐ13(N)-LX | Phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên      | Điểm đầu kênh Rạch Giá – Long Xuyên, tiếp giáp với rạch Long Xuyên.                          |
| 14 | NĐ14(N)-CT | Xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành     | Điểm giữa kênh Rạch Giá – Long Xuyên, tiếp giáp kênh Bốn Tổng, kênh Chác Cà Dao, kênh Ông Cò |
| 15 | NĐ15(N)-TS | Xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn      | Cuối kênh Rạch Giá – Long Xuyên, tiếp giáp với Kiên Giang                                    |
| 16 | NĐ18(N)-CM | Xã Kiến An, huyện Chợ Mới           | Đầu rạch Ông Chưởng                                                                          |
| 17 | NĐ19(N)-CM | Xã Long Kiến, huyện Chợ Mới         | Giữa rạch Ông Chưởng, tiếp giáp với kênh Chà Và                                              |
| 18 | NĐ20(N)-CM | Xã Long Kiến, huyện Chợ Mới         | Cuối rạch Ông Chưởng, tiếp giáp với sông Hậu                                                 |
| 19 | NĐ21(N)-TC | Thị xã Tân Châu                     | Kênh Bảy Xã                                                                                  |
| 20 | NĐ22(N)-TC | Thị xã Tân Châu                     | Kênh Xáng                                                                                    |
| 21 | NĐ23(N)-PT | Xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân        | Rạch Mương Khai                                                                              |
| 22 | NĐ24(N)-CM | Xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới           | Kênh Xáng Cà Mau giáp kênh Đồng Xút                                                          |
| 23 | NĐ25(N)-CM | Huyện Chợ Mới                       | Kênh Xáng A-B                                                                                |

|           |                 |                                    |                      |
|-----------|-----------------|------------------------------------|----------------------|
| 24        | NĐ26(N)-TS      | Xã Vĩnh Trạch,<br>huyện Thoại Sơn  | Ngã ba chợ Ba Bần    |
| 25        | NĐ27(N)-CP      | Xã Đào Hữu Cảnh,<br>huyện Châu Phú | Kênh 10              |
| <b>IV</b> | <b>Hồ, Búng</b> |                                    |                      |
| 1         | H1(N)-AP        | Xã Khánh Bình, huyện<br>An Phú     | Đầu Búng Bình Thiên  |
| 2         | H2(N)-AP        | Xã Quốc Thái,<br>huyện An Phú      | Giữa Búng Bình Thiên |
| 3         | H3(N)-AP        | Xã Quốc Thái,<br>huyện An Phú      | Cuối Búng Bình Thiên |
| 4         | H4(N)-TB        | Xã An Cư, huyện<br>Tịnh Biên       | Gần bờ hồ Ô Tuk Sa   |
| 5         | H7(N)-TB        | Xã An Hảo, huyện Tịnh<br>Biên      | Hồ Thủy Liêm         |
| 6         | H8(N)-TT        | Xã Núi Tô, huyện<br>Tri Tôn        | Hồ Soài So           |
| 7         | H9(N)-TT        | Xã Lê Trì, huyện<br>Tri Tôn        | Hồ Soài Chêk         |
| 8         | H10(N)-TT       | Xã Ô Lâm, huyện<br>Tri Tôn         | Hồ Ô Thum            |
| 9         | H11(N)-TT       | Xã Lương Phi,<br>huyện Tri Tôn     | Hồ Ô Tà Sóc          |

#### **B-MẠNG LƯỚI ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NỀN NƯỚC GIẾNG**

| <b>TT</b> | <b>Kí hiệu</b> | <b>Địa danh</b>                  | <b>Đặc điểm</b>                                                                                                              |
|-----------|----------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         | NG1(N)-AP      | Xã Quốc Thái, huyện An<br>Phú    | Giếng kín (bơm motor), tầng nông (khoảng 50m), thuộc huyện Cù Lao, khu vực bị nhiễm Asen, được sử dụng thường xuyên.         |
| 2         | NG2(N)-TC      | Xã Tân An,<br>TX. Tân Châu       | Giếng kín (bơm motor), tầng nông (khoảng 50 đến 60m), thuộc huyện Cù Lao, khu vực bị nhiễm Asen, được sử dụng thường xuyên   |
| 3         | NG4(N)-CM      | TT. Chợ Mới, huyện<br>Chợ Mới    | Giếng kín (bơm motor/bơm tay), tầng nông (khoảng 30m), thuộc huyện Cù Lao, khu vực bị nhiễm Asen, được sử dụng thường xuyên. |
| 4         | NG5(N)-LX      | Phường Mỹ Quý,<br>TP. Long Xuyên | Giếng kín (bơm motor), tầng nông (khoảng 25m), khu vực công nghiệp Mỹ Quý, được sử dụng thường xuyên.                        |

|    |            |                                   |                                                                                                                                   |
|----|------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5  | NG6(N)-TS  | TT. Phú Hòa, huyện Thoại Sơn      | Giếng kín (bơm motor), tầng sâu (khoảng trên 250m), khu vực cụm công nghiệp Phú Hòa.                                              |
| 6  | NG7(N)-TB  | Xã An Hào, huyện Tịnh Biên        | Giếng khơi, không có nắp đậy kín, tầng nông (khoảng 20m), khu vực ven núi, phục vụ tưới cây, giặt giũ, không sử dụng cho ăn uống. |
| 7  | NG9(N)-CM  | Xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới          | Giếng xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới.                                                                                                   |
| 8  | NG10(N)-CM | Xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới | Giếng xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới.                                                                                          |
| 9  | NG11(N)-PT | Xã Hoà Lạc, huyện Phú Tân         | Giếng xã Hoà Lạc, huyện Phú Tân.                                                                                                  |
| 10 | NG12(N)-PT | Xã Tân Trung, huyện Phú Tân       | Giếng xã Tân Trung, huyện Phú Tân.                                                                                                |
| 11 | NG13(N)-AP | Xã Phước Hưng, huyện An Phú       | Giếng xã Phước Hưng, huyện An Phú.                                                                                                |
| 12 | NG14(N)-TT | Xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn           | Giếng xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn.                                                                                                    |
| 13 | NG15(N)-TT | Xã Lê Trì, huyện Tri Tôn          | Giếng xã Lê Trì, huyện Tri Tôn.                                                                                                   |
| 14 | NG16(N)-CM | Xã Kiến An, huyện Chợ Mới         | Giếng tầng nông xã Kiến An                                                                                                        |
| 15 | NG17(N)-PT | Xã Phú Lâm, huyện Phú Tân         | Giếng xã Phú Lâm, huyện Phú Tân                                                                                                   |

### C-MẠNG LƯỚI ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NỀN KHÔNG KHÍ

| TT        | Kí hiệu                  | Địa danh                       | Đặc điểm                                                                                           |
|-----------|--------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Khu vực đô thị</b>    |                                |                                                                                                    |
| 1         | K1(N-ĐT)-LX              | Phường Mỹ Hòa, TP. Long Xuyên  | Khu vực đô thị ít bị tác động bởi các hoạt động giao thông, cụm công nghiệp                        |
| 2         | K2(N-ĐT)-CĐ              | Phường Vĩnh Mỹ, TP. Châu Đốc   | Khu vực đô thị ít bị tác động bởi các hoạt động giao thông, cụm công nghiệp                        |
| <b>II</b> | <b>Khu vực nông thôn</b> |                                |                                                                                                    |
| 1         | K3(N-NT)-CT              | Xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành | Khu vực nông thôn ít bị tác động bởi các hoạt động giao thông và các hoạt động sản xuất kinh doanh |

### D-MẠNG LƯỚI ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG NƯỚC MẶT

| TT         | Kí hiệu                                          | Địa danh                                                   | Đặc điểm                                                                                      |
|------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Tác động từ khu đô thị</b>                    |                                                            |                                                                                               |
| 1          | MT1(TĐ-ĐT)-TC                                    | Phường Long Thạnh, TX. Tân Châu                            | Nơi bị ảnh hưởng bởi nước thải của nhiều hoạt động SXKD, dân cư...                            |
| 2          | MT2(TĐ-ĐT)-CM                                    | TT. Chợ Mới, huyện Chợ Mới                                 | Nơi bị ảnh hưởng bởi nước thải của nhiều hoạt động SXKD, dân cư...                            |
| 3          | MT3(TĐ-ĐT)-CM                                    | TT. Mỹ Luông, huyện Chợ Mới                                | Nơi bị ảnh hưởng bởi nước thải của nhiều hoạt động SXKD, dân cư...                            |
| 4          | MH3(TĐ-ĐT)-LX                                    | Phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên                             | Nơi bị ảnh hưởng bởi nước thải của nhiều hoạt động SXKD, dân cư...                            |
| 5          | MH2(TĐ-ĐT)-CP                                    | TT. Cái Dầu, huyện Châu Phú                                | Nơi bị ảnh hưởng bởi nước thải của nhiều hoạt động SXKD, dân cư...                            |
| 6          | NT5(TĐ-ĐT)-TS                                    | TT. Núi Sập, huyện Thoại Sơn                               | Nước thải khu đô thị Núi Sập tác động lên kênh Cống Dong                                      |
| 7          | NT6(TĐ-ĐT)-TT                                    | TT. Tri Tôn, huyện Tri Tôn                                 | Nước thải khu đô thị Tri Tôn tác động lên kênh Tri Tôn                                        |
| 8          | NT7(TĐ-ĐT)-AP                                    | Thị trấn An Phú, huyện An Phú                              | Nước thải khu đô thị An Phú tác động lên kênh Kênh Thầy Ban, ảnh hưởng trực tiếp lên sông Hậu |
| 9          | NT8(TĐ-ĐT)-CĐ                                    | Thành phố Châu Đốc                                         | Nơi bị tác động bởi nước thải từ trạm xử lý nước thải TP Châu Đốc                             |
| 10         | NT9(TĐ-ĐT)-TS                                    | Thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn                            | Nước thải khu đô thị chợ Óc Eo                                                                |
| <b>II</b>  | <b>Tác động từ khu - cụm công nghiệp</b>         |                                                            |                                                                                               |
| 1          | MH1(TĐ-CN)-CP                                    | KCN Bình Long, ấp Bình Chánh, xã Bình Long, huyện Châu Phú | Nơi bị ảnh hưởng nhiều bởi nước thải khu công nghiệp                                          |
| 2          | MH2(TĐ-CN)-LX                                    | Cụm công nghiệp Mỹ Quý, TP. Long Xuyên                     | Nơi bị ảnh hưởng nhiều bởi nước thải cụm công nghiệp                                          |
| 3          | NT1(TĐ-CN)-CT                                    | KCN Bình Hòa, ấp Phú Hòa, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành    | Nơi bị ảnh hưởng nhiều bởi nước thải khu công nghiệp                                          |
| <b>III</b> | <b>Tác động từ vùng kiểm soát lũ Bắc Vàm Nao</b> |                                                            |                                                                                               |
| 1          | NĐ1(TĐ-VN)-TC                                    | Xã Phú Vĩnh, TX. Tân Châu                                  | Cổng kiểm soát lũ đầu kênh Thần Nông tiếp giáp kênh Vĩnh An                                   |
| 2          | NĐ5(TĐ-VN)-PT                                    | Xã Phú Hưng, huyện Phú Tân                                 | Cổng kiểm soát lũ cuối kênh Thần Nông tiếp giáp rạch Cái Tắc                                  |
| 3          | NĐ6(TĐ-VN)-PT                                    | Xã Phú Thành, huyện Phú Tân                                | Điểm giữa kênh Thần nông, tiếp giáp với K16                                                   |
| <b>IV</b>  | <b>Tác động từ khu nuôi thủy sản</b>             |                                                            |                                                                                               |

|    |             |                                     |                                                                                                         |
|----|-------------|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | TS1(TĐ)-PT  | Xã Long Hòa, huyện Phú Tân          | Cuối nguồn xả thải của làng bè Long Hòa                                                                 |
| 2  | TS2(TĐ)-CM  | Xã Kiến An, huyện Chợ Mới           | Cuối xả thải của khu vực đăng quang và ao Kiến An                                                       |
| 3  | TS3(TĐ)-CĐ  | Phường Châu Phú A, TP. Châu Đốc     | Cuối nguồn xả thải của làng bè Vĩnh Nguơn                                                               |
| 4  | TS4(TĐ)-AP  | Xã Đa Phước, huyện An Phú           | Cuối nguồn xả thải của làng bè Đa Phước                                                                 |
| 5  | TS5(TĐ)-CP  | Xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú | Tác động của nước thải từ nuôi các ao, hầm lên kênh Xáng Vĩnh Tre                                       |
| 6  | TS6(TĐ)-CT  | Xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành     | Cuối nguồn xả thải của khu vực nuôi cá ao, hầm Bình Thạnh                                               |
| 7  | TS8(TĐ)-LX  | Xã Mỹ Hòa Hưng, TP. Long Xuyên      | Cuối nguồn xả thải của khu vực nuôi cá ao, hầm và đăng quang Mỹ Hòa Hưng                                |
| 8  | TS11(TĐ)-LX | Phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên      | Tác động từ nguồn xả thải khu vực cá ao, hầm                                                            |
| 9  | TS13(TĐ)-CT | Xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành      | Tác động từ nguồn xả thải khu vực nuôi tôm chân ruộng                                                   |
| 10 | TS14(TĐ)-TS | Xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn       | Đầu kênh Đòn Dong, tiếp giáp với kênh Mới                                                               |
| 11 | TS15(TĐ)-TS | Xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn      | Cuối kênh Đòn Dong, tiếp giáp với kênh Ông Cò                                                           |
| 12 | TS19(TĐ)-CM | Xã Mỹ An, huyện Chợ Mới             | Tác động từ nguồn xả thải khu vực nuôi bè                                                               |
| 13 | TS20(TĐ)-TC | Xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu        | Tác động từ nguồn xả thải khu vực nuôi ao, hầm                                                          |
| 14 | TS21(TĐ)-CP | Xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú           | Tác động từ nguồn xả thải vùng nuôi Lộc Kim Chi, nơi hợp lưu giữa kênh Hào Đề Lớn và kênh Xáng Vĩnh Tre |
| 15 | TS22(TĐ)-CP | Xã Bình Phú, huyện Châu Phú         | Tác động từ nguồn xả thải vùng nuôi Nam Việt Bình Phú, nơi hợp lưu giữa kênh 13 và kênh Xáng Cây Dương  |
| 16 | TS23(TĐ)-PT | Xã Phú Bình, huyện Phú Tân          | Tác động từ nguồn xả thải khu vực nuôi cá tra xã Phú Bình                                               |
| 17 | TS24(TĐ)-TS | Xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn      | Tác động từ các nguồn xả thải thủy sản                                                                  |
| 18 | TS25(TĐ)-PT | Xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân           | Tác động từ nguồn xả thải vùng nuôi ao, hầm Hòa Lạc                                                     |

| <b>V Tác động từ khu du lịch</b> |                |                                                                  |                                                  |
|----------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 1                                | NT2(TĐ-DL)-TB  | Khu du lịch Lâm viên núi Cẩm, xã An Hảo, huyện Tịnh Biên         | Nước thải khu du lịch Lâm viên núi Cẩm, tác động |
| 2                                | NT3b(TĐ-DL)-TB | Du lịch sinh thái rừng tràm Trà Sư, xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên | Ngay công cấp nước vào khu rừng Tràm             |
| <b>VI Tác động từ bãi rác</b>    |                |                                                                  |                                                  |
| 1                                | NT3(TĐ-R)-CĐ   | Bãi rác kênh 10, xã Vĩnh Tế, TP. Châu Đốc                        | Nước bãi rác kênh 10                             |
| 2                                | NT6(TĐ-R)-CM   | Bãi rác thị trấn Mỹ Luông                                        | Nước bãi rác thị trấn Mỹ Luông                   |
| 3                                | NT7(TĐ-R)-CM   | Bãi rác Kiên An                                                  | Nước bãi rác Kiên An                             |

### **E-MẠNG LƯỚI ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG KHÔNG KHÍ**

| <b>TT</b>                                                                                | <b>Kí hiệu</b> | <b>Địa danh</b>                                                                             | <b>Đặc điểm</b>                                                                     |
|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I Tác động từ khu đô thị</b>                                                          |                |                                                                                             |                                                                                     |
| 1                                                                                        | K1(TĐ-ĐT)-LX   | Vòng Xoay đèn bốn ngọn, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên                                      | Tập trung nhiều hoạt động kinh doanh, giao thông, mật độ dân cư cao                 |
| 2                                                                                        | K2(TĐ-ĐT)-CĐ   | Khu vực chợ Châu Đốc, phường Châu Phú A, TP. Châu Đốc                                       | Tập trung nhiều hoạt động kinh doanh buôn bán, giao thông, mật độ dân cư cao        |
| 3                                                                                        | K3(TĐ-ĐT)-LX   | Vòng xoay trường THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu và siêu thị điện máy Nguyễn Kim, TP. Long Xuyên | Kiểm soát không khí bị ảnh hưởng bụi, tiếng ồn tại khu vực có mật độ giao thông cao |
| 4                                                                                        | K4(TĐ-ĐT)-TC   | Đường Trần Phú giao đường Nguyễn Tri Phương, thị xã Tân Châu                                | Kiểm soát không khí bị ảnh hưởng tiếng ồn tại khu vực có mật độ giao thông cao      |
| 5                                                                                        | K5(TĐ-ĐT)-LX   | Nhà máy xi măng ACIFA, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên                                      | Tác động không khí tại nhà máy xi măng ACIFA                                        |
| <b>II Tác động từ khu - cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, lò gạch, khai thác đá</b> |                |                                                                                             |                                                                                     |
| 1                                                                                        | K3(TĐ-CN)-LX   | Cụm công nghiệp Mỹ Quý, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên                                       | Tập trung nhiều nhà máy chế biến thủy sản                                           |
| 2                                                                                        | K2(TĐ-CN)-CT   | Khu công nghiệp Bình Hòa huyện Châu Thành                                                   | Tập trung nhiều nhà máy xay xát lương thực                                          |
| 3                                                                                        | K6(TĐ-CN)-CM   | Lò gạch, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới                                                          | Tập trung nhiều lò gạch thủ công                                                    |

|                                    |               |                                                                  |                                                                                     |
|------------------------------------|---------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 4                                  | K8(TĐ-CN)-TT  | Khai thác đá Antraco, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn                | Ảnh hưởng đến tiếng ồn, bụi                                                         |
| 5                                  | K9(TĐ-CN)-TT  | Khai thác đá Cô Tô, xã Cô Tô, huyện Tri Tôn                      | Ảnh hưởng đến tiếng ồn, bụi                                                         |
| 6                                  | K10(TĐ-CN)-CM | Khu làng nghề sản xuất dây keo Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới        | Ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh                                       |
| 7                                  | K11(TĐ-CN)-TS | Khu vực tiểu thủ công nghiệp xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn       | Ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh                                       |
| 8                                  | K12(TĐ-CN)-TT | Cụm công nghiệp Lương An Trà, huyện Tri Tôn                      | Ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh                                       |
| 9                                  | K13(TĐ-CN)-CM | Cụm công nghiệp Hoà An, huyện Chợ Mới                            | Tập trung nhiều nhà máy xay xát lương thực                                          |
| 10                                 | K14(TĐ-CN)-PT | Cụm công nghiệp Tân Trung, huyện Phú Tân                         | Ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh                                       |
| 11                                 | K15(TĐ-CN)-TC | Cụm công nghiệp Tân Châu, phường Long Châu, thị xã Tân Châu      | Ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh                                       |
| <b>III Tác động từ giao thông</b>  |               |                                                                  |                                                                                     |
| 1                                  | K1(TĐ-GT)-LX  | Phà An Hòa, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên                       | Tác động không khí tại phà An Hòa                                                   |
| 2                                  | K3(TĐ-GT)-LX  | Bến xe Phạm Cự Lượng, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên              | Tác động không khí tại bến xe Phạm Cự Lượng                                         |
| 3                                  | K4(TĐ-GT)-CĐ  | Bến xe Châu Đốc, Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc                 | Tác động không khí tại bến xe Châu Đốc                                              |
| 4                                  | K5(TĐ-GT)-LX  | Đường Ung Văn Khiêm nối đường Lý Thái Tổ, TP.Long Xuyên          | Kiểm soát không khí bị ảnh hưởng bụi, tiếng ồn tại khu vực có mật độ giao thông cao |
| <b>IV Tác động của khu du lịch</b> |               |                                                                  |                                                                                     |
| 1                                  | K1(TĐ-DL)-CĐ  | Du lịch núi Sam, phường Núi Sam, TP. Châu Đốc                    | Tác động không khí tại khu du lịch núi Sam, ảnh hưởng tiếng ồn, bụi, khói           |
| 2                                  | K2(TĐ-DL)-TB  | Du lịch Lâm viên núi Cấm, xã An Hảo, huyện Tịnh Biên             | Tác động không khí tại khu du lịch Lâm viên núi Cấm, ảnh hưởng tiếng ồn, bụi, khói  |
| 3                                  | K3(TĐ-DL)-TB  | Du lịch sinh thái rừng tràm Trà Sư, xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên | Tác động không khí tại khu Rừng Tràm Trà Sư, ảnh hưởng tiếng ồn, bụi, khói          |

|          |                                 |                                                                               |                                                                                           |
|----------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4        | K4(TĐ-DL)-CM                    | Tác động từ khu du lịch tại khu vực Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới            | Tác động không khí du lịch tại khu vực Bình Phước Xuân, ảnh hưởng tiếng ồn, bụi, khói.    |
| 5        | K5(TĐ-DL)-CM                    | Tác động từ khu du lịch tại khu vực Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới                     | Tác động không khí du lịch tại khu vực Tấn Mỹ, ảnh hưởng tiếng ồn, bụi, khói.             |
| 6        | K6(TĐ-DL)-TS                    | Tác động từ khu du lịch Hồ Ông Thoại, Thoại Sơn                               | Tác động không khí du lịch tại thị trấn Núi Sập, Thoại Sơn                                |
| <b>V</b> | <b>Tác động của khu bãi rác</b> |                                                                               |                                                                                           |
| 1        | K8(TĐ-R)-CT                     | Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên xã Bình Hòa, huyện Châu Thành | Tác động của không khí tại khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên, ảnh hưởng mùi |
| 2        | K9(TĐ-R)-PT                     | Khu xử lý rác xã Phú Thạnh, huyện Phú Tân                                     | Tác động của không khí tại khu xử lý rác xã Phú Thạnh, ảnh hưởng mùi                      |
| 3        | K10(TĐ-R)-CĐ                    | Khu xử lý rác tại kênh 10, thành phố Châu Đốc                                 | Tác động của không khí tại khu xử lý rác tại kênh 10, ảnh hưởng mùi                       |
| 4        | K11(TĐ-R)-TB                    | Bãi rác An Cư, xã An Cư, huyện Tịnh Biên                                      | Tác động của không khí tại bãi rác An Cư, ảnh hưởng mùi                                   |
| 5        | K12(TĐ-R)-TT                    | Bãi rác An Tức, xã An Tức, huyện Tri Tôn                                      | Tác động của không khí tại bãi rác An Tức, ảnh hưởng mùi                                  |
| 6        | K13(TĐ-R)-CM                    | Bãi rác thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới                                      | Tác động của không khí tại bãi rác thị trấn Mỹ Luông, ảnh hưởng mùi                       |
| 7        | K14(TĐ-R)-CM                    | Bãi rác Kiến An, huyện Chợ Mới                                                | Tác động của không khí tại bãi rác Kiến An, ảnh hưởng mùi                                 |